

Bản án số: 821/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 31-5-2022.
V/v Tranh chấp Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc
2. Bà Nguyễn Phước Trinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 869/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2021 về “ Tranh chấp Ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 211/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 201/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18/5/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Hồng N, sinh năm: 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Số 57C, đường 536, tổ 3, ấp B, xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số 154, Tỉnh lộ 8, Khu phố 2, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Trần Thanh P, sinh năm: 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 57C, đường 536, Tổ 3, ấp B, xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 17/5/2022 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, nguyên đơn bà Lê Hồng N trình bày:

Tôi cùng ông Trần Thanh P là vợ chồng, tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 40/2013, Quyền số: 03/2013 ngày 02/5/2013. Thời gian đầu cuộc sống gia đình hạnh phúc nhưng về sau bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, giữa hai người có nhiều khác biệt về cách sống và quan điểm sống, ông P có người phụ nữa khác bên ngoài. Hiện nay cả hai không còn tình cảm, không còn quan tâm chăm sóc yêu thương nhau nữa nên không thể tiếp tục chung sống. Do đó, tôi xin được ly hôn với ông P.

Về con chung có 03 trẻ tên: Trần Bảo Y, sinh ngày: 14/8/2010; Trần Tuyết N, sinh ngày: 26/6/2012; Trần Gia H, sinh ngày: 15/6/2016. Khi ly hôn Tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi ba con chung, yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ đồng, bắt đầu cấp dưỡng tháng 6/2022 vào ngày 15 tây hàng tháng.

Tài sản chung: Quá trình ban đầu tôi yêu cầu Tòa án chia tài sản chung căn nhà nằm trên một phần thửa đất số 865, tờ bản đồ số 33 (BĐKTS), bộ địa chính xã N, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có ký hiệu CM385627, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH06199 do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp ngày 25/7/2018 đứng tên ông Trần Thanh P. Tuy nhiên, ngày 29/4/2022, tôi đã xin rút phần yêu cầu chia tài sản chung, tôi tự thỏa thuận với ông P, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ dân sự chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà N tự nguyện chịu toàn bộ án phí.

* Bị đơn ông Trần Thanh P vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Quan hệ tranh chấp giữa bà Lê Hồng N và ông Trần Thanh P là “Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình”. Bị đơn trong vụ án là ông Trần Thanh P hiện cư trú tại huyện Củ Chi, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Trần Thanh P đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Hồng N và ông Trần Thanh P có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 40/2013, Quyền số: 03/2013 ngày 02/5/2013. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà N trình bày đời sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông P không chăm lo cuộc sống gia đình, chỉ lo ăn nhậu, hiện đã có người phụ nữ khác bên ngoài nên vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi vã, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, bà N đã nhiều lần khuyên nhủ ông P để ông P thay đổi nhưng không được. Bà nhận thấy không còn tình cảm với ông P.

Trong quá trình giải quyết vụ án, dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông P không đến Tòa án để giải quyết và không có bất cứ tác động nào cho thấy muốn hàn gắn quan hệ gia đình với bà N nên Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu xin ly hôn với ông P của bà N là chính đáng. Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N đối với ông P.

[4] Về con chung có 03 con là: Trần Bảo Y, sinh ngày: 14/8/2010; Trần Tuyết N, sinh ngày: 26/6/2012; Trần Gia H, sinh ngày: 15/6/2016.

Hội đồng xét xử xét thấy, trẻ Y và trẻ N đã trên 07 tuổi có nguyện vọng được ở với mẹ, cả ba trẻ hiện đều đang ở với mẹ, ông P đã nhận được văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không thể hiện ý kiến gì khác. Do đó, để ổn định tâm sinh lý của trẻ cũng như sự phát triển tốt nhất cho trẻ, Hội đồng xét xử giao 03 con chung cho bà N trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung mỗi trẻ là 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho đến khi con chung lần lượt đủ 18 tuổi, bắt đầu cấp dưỡng vào ngày 15 tây hàng tháng phù hợp với mặt bằng chung của xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Ngày 29/4/2022, bà Lê Hồng N đã xin rút đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung là căn nhà nằm trên một phần thửa đất số 865, tờ bản đồ số 33, bộ địa chính xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, đây là sự tự nguyện của bà N, không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ phần yêu cầu chia tài sản chung này của bà N. Bà N trình bày

sẽ tự thỏa thuận về tài sản chung, trường hợp không tự thỏa thuận được thì bà sẽ khởi kiện tranh chấp trong một vụ án khác.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Luật Phí và lệ phí năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về án phí Hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà N tự nguyện chịu.

Về án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông P phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 217, 218, 219 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Hồng N là được ly hôn với ông Trần Thanh P.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 40/2013, Quyền số: 03/2013 ngày 02/5/2013 của UBND xã Đ, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu cấp cho bà N và ông P không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung có 03 trẻ tên: Trần Bảo Y, sinh ngày: 14/8/2010; Trần Tuyết N, sinh ngày: 26/6/2012; Trần Gia H, sinh ngày: 15/6/2016.

Giao cho bà Lê Hồng N trực tiếp nuôi 03 con chung. Ông Trần Thanh P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi con 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng cho đến khi con chung lần lượt đủ 18 tuổi, bắt đầu cấp dưỡng vào ngày 15 tây hàng tháng.

Kể từ ngày bà Lê Hồng N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trần Thanh P chưa thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng ông P phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo quy định của pháp luật tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Vì lợi ích của con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung là căn nhà nằm trên một phần thửa đất số 865, tờ bản đồ số 33, bộ địa chính xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM385627, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH06199 do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp ngày 25/7/2018 cấp đứng tên ông Trần Thanh P của bà Lê Hồng N.

4. Nghĩa vụ dân sự chung: Bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Lê Hồng N phải chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0043554 ngày 22/12/2021 của Chi Cục thi hành án Dân sự huyện Củ Chi. Bà N đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông P phải chịu.

Hoàn trả lại cho bà Lê Hồng N số tiền 8.750.000 (tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung theo biên lai thu số: AA/2021/0043942 ngày 24/02/2022 của Chi Cục thi hành án Dân sự huyện Củ Chi.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- UBND xã Đ, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi Cục THADS h.Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hồng Ngọc

